

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị **Lê Hoa L** – sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường C, thành phố C1, Khánh Hòa (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị R** – sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C1, Khánh Hòa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đình Lê N là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/11/2018, N điều khiển xe mô tô 79C1 - 04333 đi từ nhà ở tổ dân phố P, phường C, thành phố C1 đến khu vực phường C N, thành phố C1 trộm cắp tài sản có tiền mua ma túy sử dụng. Khi đến hiệu thuốc tây H trên đường Nguyễn Chí T thuộc tổ dân phố N, phường C N, thành phố C1, thấy không có người trông coi, N đi vào trong hiệu thuốc, mở hộc tủ đựng tiền, lấy số tiền 115.000 đồng của chị Lê Hoa L. N đi ra ngoài cửa thì bị chị L và chồng là anh Đặng Văn T phát hiện.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSCR-HS ngày 12/3/2019, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Đình Lê N về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

b, Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 115. 000 đồng đã trả cho chủ sở hữu Lê Hoa L.
- Xe mô tô 79C1 – 04333 đã trả cho chủ sở hữu Lê Thị R.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đình Lê N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét và xin giảm nhẹ hình phạt;

Người bị hại bà Lê Hoa L khai tại cơ quan Điều tra: khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/11/2018 chị L và chồng là anh Đặng Văn T phát hiện Đình Lê N mở hộc tủ đựng tiền, lấy số tiền 115.000 đồng của chị Lê Hoa L. Chị L đã nhận lại số tiền 115. 000 đồng chị không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R trình bày: Chiếc xe mô tô Xe mô tô 79C1 – 04333 là tài sản hợp pháp của bà, ngày 25/11/2018 bà R có cho Đình Lê N (con trai của bà) mượn để công việc, bà không biết Đình Lê N sử dụng xe Xe mô tô 79C1 – 04333 đi trộm cắp tài sản. Sau đó Công an đã thu hồi chiếc xe và đã trả lại cho bà, nên bà không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho bà.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hình phạt:** Đề nghị áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Lê N mức án từ **09** (chín) tháng tù đến **01** (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án thể hiện, bị cáo ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C1, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] **Về hành vi:** Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Lê N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/11/2018, N điều khiển xe mô tô 79C1 - 04333 đến khu vực phường C N, thành phố C1 trộm cắp tài sản có tiền mua ma túy sử dụng. Khi đến hiệu thuốc tây “H” thấy không có người trông coi, bị cáo N đi vào trong hiệu thuốc, mở hộc tủ đựng tiền, lấy số tiền 115.000 đồng của chị Lê Hoa L. Bị cáo N đi ra ngoài cửa thì bị chị L và chồng là anh Đặng Văn T phát hiện. Bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếm đoạt tài sản của chị L với tổng giá trị là số tiền 115.000 đồng, đây là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ, khi thực hiện phạm tội bị cáo có đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của công dân là vi phạm pháp luật, điều này cho thấy bị cáo phạm tội với ý thức chủ quan do lỗi cố ý, bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

b, Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

Do đó bản Cáo trạng số 18/CT-VKSCR-HS ngày 12/3/2019 của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố C1 đã truy tố bị cáo Đinh Lê N với điều, khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác; hành vi của bị cáo đã gây mất an ninh chung tại địa phương, gây lo lắng trong nhân dân. Bị cáo N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của công dân. Khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, bị cáo có nhân thân xấu, nhưng bị cáo không dừng lại hành vi phạm tội của mình, lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà tiếp tục trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo trộm cắp số tiền không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, khai nhận hành vi của mình là phạm tội. Vì vậy, cần thiết áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Các tình tiết tăng nặng: Không có

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong hồ sơ thể hiện người bị hại Lê Hoa L đã nhận đủ số tiền trên, chị không có yêu cầu gì, nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R đã nhận lại xe mô tô 79C1 – 04333 bà không có yêu cầu gì, nên không xét.

[5]. Về án phí: Buộc bị cáo Đinh Lê N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] - Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Đinh Lê N **09 (chín) tháng tù**, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lê Hoa L đã nhận đủ số tiền trên, chị không có yêu cầu gì, nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R đã nhận lại xe mô tô 79C1 – 04333 bà không có yêu cầu gì, nên không xét.

[3]. **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Đinh Lê N phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo Đinh Lê N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại chị Lê Hoa L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp Khánh Hòa;
- VKSND thành phố C1;
- Công an thành phố C1;
- THADS thành phố C1;
- Bị cáo, bị hại, người CQL, NVLQ;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương